

Phụ lục II.
DIỆN TÍCH ĐẤT CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP PHƯỚC AN XÁC ĐỊNH GIỮ LẠI ĐỂ TIẾP TỤC SỬ DỤNG
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày _____/4/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: ha

STT	Loại đất	Mã	Diện tích đất	Phân theo đơn vị hành chính						Ghi chú
				Huyện Krông Pắc						
				Xã Vụ Bồn	Xã Hòa Tiến	Xã Ea Yông	Xã Ea Uy	Xã Ea Hiu	Thị trấn Phước An	
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT		3.494,10	2.371,74	553,15	454,83	88,64	17,21	8,53	
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.396,81	2.299,29	544,17	447,69	83,55	14,48	7,62	
1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	2,69	2,69	-	-	-	-	-	
1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	2,37	2,37	-	-	-	-	-	
1.3	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	72,97	72,86	-	0,12	-	-	-	
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.313,61	1.204,58	2,55	0,85	83,55	14,47	7,62	
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,83	1,81	-	-	-	0,02	-	
1.6	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	104,33	103,08	-	1,25	-	-	-	
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX	1.899,01	911,90	541,63	445,48	-	-	-	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	97,29	72,45	8,97	7,13	5,09	2,73	0,91	
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	26,40	25,90	-	-	0,27	0,24	-	
2.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	1,20	1,03	-	-	0,17	-	-	
2.3	Đất công trình giao thông	DGT	61,64	41,94	8,84	2,81	4,65	2,49	0,91	
2.4	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch (ao, hồ, khe cạn)	SON	3,53	3,53	-	0,00	-	-	-	
2.5	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	4,51	0,05	0,14	4,32	-	-	-	